

# GIÁO DỤC CÔNG LẬP LÀ TRỤ CỘT, GIÁO DỤC NGOÀI CÔNG LẬP LÀ THÀNH PHẦN QUAN TRỌNG CẤU THÀNH HỆ THỐNG GIÁO DỤC QUỐC DÂN - TIẾP CẬN TỪ TINH THẦN NGHỊ QUYẾT 71 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

PGS.TS. Tô Bá Trường

Viện Nghiên cứu hợp tác phát triển giáo dục

Email: tobatruong@gmail.com.

**Tóm tắt:** Nghị quyết 71-NQ/TW của Bộ Chính trị đã xác định giáo dục và đào tạo là một trong những đột phá chiến lược để phát triển đất nước trong thời kỳ mới, đồng thời nhấn mạnh vai trò của hệ thống giáo dục quốc dân trong việc hình thành nguồn nhân lực chất lượng cao. Trong đó, giáo dục công lập được xác định là trụ cột, giữ vai trò chủ đạo trong bảo đảm quyền học tập của công dân, thực hiện công bằng xã hội, phổ cập giáo dục và nâng cao dân trí. Bên cạnh đó, giáo dục ngoài công lập, với nhiều loại hình đa dạng, được khẳng định là thành phần quan trọng cấu thành hệ thống, góp phần chia sẻ gánh nặng với Nhà nước, tạo môi trường cạnh tranh, đổi mới sáng tạo và hội nhập quốc tế.

**Từ khóa:** Giáo dục công lập, giáo dục ngoài công lập, hệ thống giáo dục quốc dân, Nghị quyết 71, đổi mới giáo dục.

**Nhận bài:** 18/11/2025; **Biên tập:** 19/11/2025; **Phản biện:** 22/11/2025; **Duyệt đăng:** 26/11/2025.

## 1. Mở đầu

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, chuyển đổi số và kinh tế tri thức, giáo dục và đào tạo đã trở thành yếu tố then chốt quyết định năng lực cạnh tranh quốc gia. Các quốc gia phát triển và đang phát triển đều xác định giáo dục là động lực trung tâm để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và bảo đảm phát triển bền vững.

Ở Việt Nam, giáo dục luôn được Đảng và Nhà nước xác định là quốc sách hàng đầu. Sau gần 40 năm đổi mới, hệ thống giáo dục quốc dân đã có những bước phát triển mạnh mẽ, góp phần nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực và bồi dưỡng nhân tài, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh. Tuy nhiên, trước những biến đổi nhanh chóng của thế giới, sự phát triển mạnh mẽ của khoa học - công nghệ, cũng như yêu cầu phát triển đất nước đến năm 2045, nền giáo dục Việt Nam đứng trước những cơ hội và thách thức to lớn.

Ngày 15/8/2025, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 71-NQ/TW về “Đột phá giáo dục và đào tạo trong thời kỳ mới”, trong đó nhấn mạnh: “Giáo dục công lập giữ vai trò trụ cột, giáo dục ngoài công lập là thành phần quan trọng cấu thành hệ thống giáo dục quốc dân; phát triển hài hòa, bổ sung cho nhau, hướng tới mục tiêu xây dựng nền giáo dục tiên tiến, nhân văn, công bằng và hội nhập quốc tế.” Đây là định hướng chiến lược nhằm huy động tối đa mọi nguồn lực xã hội cho phát triển giáo dục, đồng thời bảo đảm vai trò chủ đạo của Nhà nước trong việc thực hiện công bằng xã hội, phổ cập và nâng cao chất lượng giáo dục.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Cơ sở lý luận và thực tiễn

- Hệ thống giáo dục quốc dân được hiểu là chỉnh

thể thống nhất, bao gồm các loại hình và cấp bậc giáo dục từ mầm non, phổ thông, giáo dục nghề nghiệp đến đại học và sau đại học, hoạt động theo quy định của pháp luật, nhằm đáp ứng nhu cầu học tập của mọi công dân. Hệ thống này bao gồm cả cơ sở công lập (do Nhà nước đầu tư, quản lý) và ngoài công lập (do tư nhân, tổ chức xã hội, tôn giáo đầu tư).

- Trong lý luận giáo dục hiện đại, sự phát triển hệ thống giáo dục quốc dân luôn gắn với nguyên tắc đa dạng hóa loại hình sở hữu và phương thức cung ứng dịch vụ giáo dục, trong đó giáo dục công lập giữ vai trò trụ cột, còn giáo dục ngoài công lập là thành phần bổ trợ quan trọng.

- Trong bức tranh toàn cầu, hầu hết các quốc gia đều phát triển hệ thống giáo dục dựa trên sự kết hợp hài hòa giữa khu vực công lập và ngoài công lập. Tuy nhiên, mức độ tham gia, vai trò và cơ chế quản lý của mỗi nước có sự khác biệt, phản ánh điều kiện lịch sử, chính trị, kinh tế và văn hóa.

- Các nước phát triển (OECD, G7) như Phần Lan, Thụy Điển, Đan Mạch, giáo dục công lập chiếm ưu thế tuyệt đối (trên 90% cơ sở giáo dục), Nhà nước đảm bảo toàn bộ kinh phí từ mầm non đến đại học. Giáo dục ngoài công lập tồn tại với vai trò bổ sung, thường là trường tôn giáo hoặc trường quốc tế; Hoa Kỳ, Vương quốc Anh, Canada, hệ thống đa dạng, trong đó công lập vẫn chiếm khoảng 70 - 80%, nhưng ngoài công lập đóng vai trò quan trọng ở bậc đại học (đặc biệt các đại học tư thục danh tiếng như Harvard, Stanford, Oxford, Cambridge). Mô hình này khuyến khích cạnh tranh, đổi mới, tạo ra các trung tâm nghiên cứu hàng đầu thế giới; Nhật Bản, Hàn Quốc, tỷ lệ trường ngoài công lập cao hơn nhiều so với các nước Bắc Âu. Ở Hàn Quốc, hơn 80% sinh

viên theo học tại các trường đại học ngoài công lập. Nhà nước quản lý chặt chẽ về chuẩn chất lượng, đồng thời có chính sách tài chính hỗ trợ sinh viên.

- Các nước đang phát triển (ASEAN, Nam Á, châu Phi) như Singapore xây dựng hệ thống công lập mạnh (MOE schools) để đảm bảo phổ cập và bình đẳng, song song đó cho phép trường tư thục và quốc tế phát triển nhằm thu hút du học sinh và đáp ứng nhu cầu đa dạng; Indonesia, Philippines, do hạn chế ngân sách, chính phủ khuyến khích mạnh mẽ khu vực tư nhân tham gia vào giáo dục mầm non, phổ thông và đại học. Tỷ lệ ngoài công lập chiếm trên 50% ở nhiều bậc học; Ấn Độ, khoảng 50% học sinh tiểu học và trung học phổ thông theo học trường tư thục. Chính phủ áp dụng mô hình “voucher” và “PPP” (Public - Private Partnership) để bảo đảm công bằng, hỗ trợ học sinh nghèo tiếp cận trường tư.

- Xu hướng quốc tế hiện nay là đa dạng hóa mô hình trường học, kết hợp trường công, tư thục, bán công, trường cộng đồng, trường quốc tế; Hợp tác công - tư (PPP) ngày càng phổ biến, đặc biệt trong xây dựng cơ sở vật chất, cung cấp dịch vụ đào tạo nghề và giáo dục đại học; Hỗ trợ tài chính cho học sinh, nhiều nước áp dụng học bổng, tín dụng giáo dục, voucher để học sinh có thể chọn trường công hoặc tư mà vẫn đảm bảo quyền tiếp cận công bằng. Quản lý theo chuẩn đầu ra, Nhà nước giữ vai trò ban hành chuẩn chất lượng, kiểm định và giám sát, thay vì chỉ quản lý hành chính truyền thống.

- Bài học kinh nghiệm cho Việt Nam là phải giữ vững vai trò chủ đạo của công lập, đặc biệt trong giáo dục phổ cập và bình đẳng xã hội (học sinh nghèo, vùng khó khăn), khuyến khích phát triển ngoài công lập trong giáo dục mầm non, đại học, đào tạo nghề và giáo dục thường xuyên, xây dựng cơ chế PPP minh bạch, gắn trách nhiệm công - tư trong cung ứng dịch vụ giáo dục, đa dạng hóa nguồn tài chính (học phí, hỗ trợ Nhà nước, quỹ học bổng, tín dụng sinh viên), tăng cường kiểm định chất lượng, áp dụng chuẩn quốc tế để bảo đảm sự cạnh tranh lành mạnh giữa công lập và ngoài công lập.

- Sau đổi mới, giáo dục ngoài công lập bắt đầu phát triển (từ 1987), đặc biệt ở mầm non, phổ thông và đại học. Đến năm 2023, cả nước có trên 16% học sinh phổ thông và 27% sinh viên đại học đang học tại các cơ sở ngoài công lập (Bộ GD&ĐT, 2023). Tuy nhiên, giáo dục công lập vẫn chiếm đa số, giữ vai trò chủ đạo trong phổ cập và đào tạo nhân lực cơ bản.

**Bảng 1. Tỷ lệ học sinh, sinh viên ngoài công lập giai đoạn 2015 - 2023 (%)**

Năm	Mầm non	Phổ thông	Đại học
2015	20,5	5,8	22,1
2018	23,2	7,4	24,6

2020	24,1	8,3	25,5
2023	25,6	10,2	27,0

Nguồn: Bộ GD&ĐT (2023).

**2.2. Giáo dục công lập - Trụ cột của hệ thống**

Từ Cách mạng Tháng Tám 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phát động phong trào “Bình dân học vụ” nhằm xóa nạn mù chữ. Từ đó đến nay, hệ thống giáo dục công lập luôn đóng vai trò chủ đạo, thực hiện phổ cập tiểu học, THCS và tiến tới phổ cập THPT ở nhiều địa phương, bảo đảm mọi trẻ em đều được đến trường, đặc biệt là ở vùng sâu, vùng xa, chất lượng nền tảng, hệ thống trường công lập chiếm trên 85% tổng số học sinh phổ thông, cung cấp nguồn nhân lực cơ bản cho xã hội, ngân sách nhà nước, hàng năm, khoảng 18 - 20% chi ngân sách được dành cho giáo dục, phần lớn tập trung cho khối công lập.

Vì vậy giáo dục Việt Nam đã đạt được những kết quả đáng kể: phổ cập tiểu học (2000), phổ cập THCS (2010), nâng cao tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THPT (năm 2023 đạt 99,1%), đào tạo ra nhiều thế hệ trí thức, cán bộ khoa học - kỹ thuật. Tuy vậy, giáo dục công lập cũng gặp không ít những thách thức như quá tải tại các đô thị lớn, chênh lệch vùng miền (tỷ lệ học sinh bỏ học ở miền núi, dân tộc thiểu số còn cao) và chất lượng chưa đồng đều, tình trạng “học thêm - dạy thêm” còn phổ biến.

**2.3. Giáo dục ngoài công lập - Thành phần quan trọng cấu thành hệ thống giáo dục quốc dân**

Giáo dục ngoài công lập là các cơ sở giáo dục không do Nhà nước thành lập, quản lý trực tiếp bằng ngân sách công, mà do tổ chức xã hội, doanh nghiệp, cộng đồng, tôn giáo hoặc cá nhân đầu tư. Ở Việt Nam hiện nay, khu vực ngoài công lập gồm giáo dục mầm non có nhà trẻ, mẫu giáo tư thục, dân lập, phổ thông có trường tư thục, trường quốc tế, trường có yếu tố nước ngoài, đại học - cao đẳng có trường tư thục, trường có vốn đầu tư nước ngoài, giáo dục thường xuyên, dạy nghề, trung tâm kỹ năng sống, do các tổ chức, cá nhân sáng lập.

Giáo dục ngoài công lập đã đóng góp vào phát triển giáo dục Việt Nam như huy động nguồn lực xã hội, giảm gánh nặng cho ngân sách Nhà nước trong bối cảnh nhu cầu học tập ngày càng lớn, theo Bộ GD&ĐT (2023), khu vực ngoài công lập chiếm ~18% tổng quy mô học sinh, sinh viên, riêng giáo dục đại học chiếm trên 30% quy mô tuyển sinh.

**Bảng 2. Số lượng cơ sở ngoài công lập theo cấp học (2023)**

Cấp học	Công lập	Ngoài công lập	Tỷ lệ ngoài công lập (%)
Mầm non	11.250	3.870	25,6
Tiểu học	13.200	960	6,8
THCS	10.500	520	4,7
THPT	2.300	210	8,4
Đại học	172	69	27,0

Nguồn: Bộ GD&ĐT (2023).

- Đa dạng hóa mô hình và dịch vụ giáo dục, các trường tư thục, quốc tế, trường có vốn đầu tư nước ngoài cung cấp chương trình đa dạng, nhiều loại hình (song ngữ, liên kết quốc tế, kỹ năng nghề), góp phần hình thành hệ sinh thái học tập suốt đời, với nhiều lộ trình khác nhau phù hợp nhu cầu xã hội.

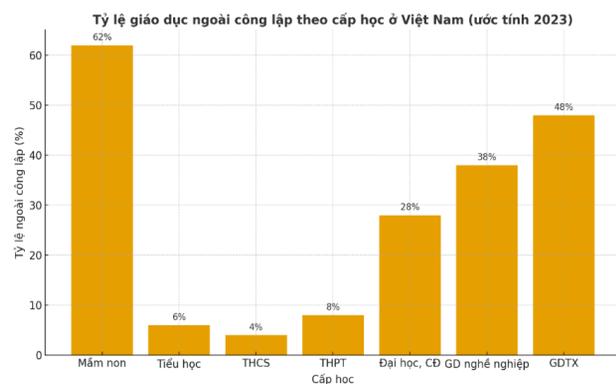
- Thúc đẩy đổi mới sáng tạo và cạnh tranh chất lượng, nhiều trường ngoài công lập đi đầu trong đổi mới phương pháp dạy học, áp dụng công nghệ số, chú trọng ngoại ngữ và kỹ năng mềm, tạo ra “sức ép tích cực” buộc trường công lập phải cải tiến để đáp ứng kỳ vọng xã hội.

- Đáp ứng nhu cầu đặc thù, ở đô thị lớn trường ngoài công lập giải tỏa áp lực sĩ số, bổ sung chỗ học mầm non và tiểu học, ở giáo dục đại học, nhiều trường ngoài công lập mở ngành nghề mới gắn với nhu cầu thị trường lao động (CNTT, logistics, truyền thông...), đáp ứng nhu cầu của phụ huynh mong muốn môi trường giáo dục khác biệt, cá thể hóa cho con em.

Như vậy, giáo dục ngoài công lập (GDNCL) không chỉ bổ sung mà còn tạo nên sự phong phú, đa dạng và năng động trong hệ thống giáo dục quốc dân. Tại Việt Nam, GDNCL phát triển mạnh ở các bậc học mầm non, đại học, sau đại học, đào tạo nghề và giáo dục thường xuyên. Điều này phản ánh đúng tinh thần Nghị quyết 71 của Bộ Chính trị coi giáo dục công lập là trụ cột, giáo dục ngoài công lập là thành phần quan trọng cấu thành hệ thống.

**Bảng 3. Tỷ lệ giáo dục ngoài công lập trong hệ thống giáo dục Việt Nam theo cấp học (ước tính 2023)**

Cấp học / Trình độ	Tỷ lệ ngoài công lập (%)	Đặc điểm chính
Mầm non	60 - 65%	Đáp ứng nhu cầu xã hội hóa, tập trung đô thị
Tiểu học	5 - 7%	Một số trường tư thục chất lượng cao
Trung học cơ sở	3 - 5%	Chủ yếu ở thành phố lớn
Trung học phổ thông	7 - 10%	Gồm trường tư thục, quốc tế
Đại học, cao đẳng	25 - 30%	Tăng trưởng nhanh, đa dạng loại hình
Giáo dục nghề nghiệp	35 - 40%	Linh hoạt, sát nhu cầu thị trường
Giáo dục thường xuyên	45 - 50%	Trung tâm dân lập, cơ sở ngoài công lập



Biểu đồ này trực quan cho thấy: Mầm non có tỷ lệ ngoài công lập cao nhất (trên 60%); các bậc phổ

thông (tiểu học, THCS, THPT) tỷ lệ còn thấp; giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên (GDTX) và đại học có tỷ lệ ngoài công lập khá lớn, đóng góp quan trọng vào hệ thống.

**2.4. Mối quan hệ bổ sung - hỗ trợ giữa giáo dục công lập và ngoài công lập**

Giáo dục công lập và ngoài công lập tuy có mô hình tổ chức, mục tiêu và phạm vi phục vụ khác nhau, nhưng lại cùng hướng tới mục tiêu chung là phát triển hệ thống giáo dục quốc dân toàn diện, công bằng và hiệu quả. Trong bối cảnh đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục Việt Nam theo tinh thần Nghị quyết 71 của Bộ Chính trị, sự bổ sung và hỗ trợ lẫn nhau là xu thế tất yếu, công lập giữ vai trò trụ cột, đảm bảo công bằng xã hội, phổ cập và phục vụ nhiệm vụ chiến lược quốc gia, ngoài công lập đóng vai trò bổ sung quan trọng, đáp ứng nhu cầu đa dạng, giảm tải cho công lập, tạo ra cạnh tranh lành mạnh và thúc đẩy đổi mới quản trị.

Có thể nhận diện mối quan hệ này trên bốn phương diện chính:

- Nguồn lực tài chính, cơ sở vật chất, công lập chủ yếu dựa vào ngân sách nhà nước, nhưng thường gặp hạn chế về kinh phí, ngoài công lập bổ sung nguồn lực xã hội hóa, đầu tư cơ sở vật chất hiện đại, nâng cao chất lượng dịch vụ.

- Đa dạng hóa mô hình và chương trình đào tạo, công lập đảm bảo chương trình chuẩn, phổ cập, hướng tới số đông, ngoài công lập tạo thêm lựa chọn linh hoạt, chương trình song ngữ, quốc tế, chuyên biệt (nghệ thuật, thể thao, giáo dục đặc biệt).

- Bảo đảm công bằng và hiệu quả, công lập giữ trách nhiệm xã hội, đặc biệt cho học sinh nghèo, vùng khó khăn, ngoài công lập góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực xã hội, giảm áp lực sĩ số, mở rộng cơ hội tiếp cận.

- Đổi mới và cạnh tranh tích cực, ngoài công lập thường năng động, áp dụng công nghệ, mô hình quản trị mới, công lập học hỏi, tiếp thu kinh nghiệm để nâng cao chất lượng và cải thiện dịch vụ.

**2.5. Định hướng chính sách và giải pháp tăng cường hài hòa công lập - ngoài công lập**

Trong bối cảnh mới, giáo dục Việt Nam phải vừa giữ vững trụ cột công lập, vừa khuyến khích phát triển lành mạnh ngoài công lập, theo định hướng sau bảo đảm công lập tiếp tục đóng vai trò chủ đạo trong phổ cập, công bằng và an sinh giáo dục. Phát triển ngoài công lập như một lực lượng bổ sung quan trọng, đáp ứng nhu cầu đa dạng, chất lượng cao và hội nhập quốc tế. Thiết lập cơ chế phối hợp công - tư minh bạch, công bằng, tránh cực đoan “công lập hóa” hoặc “thị trường hóa” toàn diện. Bám sát các cam kết quốc tế, nhất là SDG4 (Giáo dục có chất lượng, công bằng, bao trùm và học tập suốt đời).

Khuyến nghị đặc thù cho phát triển giáo dục ngoài công lập ở Việt Nam. Trong quá trình xây dựng hệ thống giáo dục quốc dân hiện đại, hội nhập

và phát triển bền vững, giáo dục ngoài công lập cần được coi là một thành phần cấu thành quan trọng bên cạnh giáo dục công lập. Tuy nhiên, do đặc thù hoạt động và bối cảnh pháp lý - xã hội tại Việt Nam, việc khuyến khích sự phát triển khu vực này đòi hỏi những khuyến nghị riêng, khác biệt so với khối công lập. Cụ thể như:

- Hoàn thiện khung pháp lý, tạo môi trường bình đẳng, đơn giản hóa thủ tục thành lập và hoạt động. Quy trình cấp phép, kiểm định, phê duyệt chương trình, tuyển sinh... cần minh bạch, rõ ràng, giảm bớt thủ tục hành chính, xây dựng luật hoặc nghị định riêng về giáo dục ngoài công lập nhằm thể chế hóa vai trò, quyền lợi, nghĩa vụ của các cơ sở ngoài công lập, bảo đảm tính ổn định và lâu dài, bảo đảm bình đẳng pháp lý. Các trường ngoài công lập cần được tiếp cận cơ chế tài chính, chính sách đào tạo, nghiên cứu, chuyển giao công nghệ tương tự như trường công, khi cùng thực hiện nhiệm vụ công ích.

- Chính sách tài chính, tín dụng và thuế ưu đãi, ưu đãi thuế cho các cơ sở giáo dục ngoài công lập hoạt động phi lợi nhuận hoặc tái đầu tư cho giáo dục, tín dụng ưu đãi và quỹ hỗ trợ phát triển. Cho phép các cơ sở được vay vốn dài hạn, lãi suất thấp để xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm thiết bị, chính sách học phí linh hoạt đi kèm học bổng và hỗ trợ học sinh khó khăn: Nhà nước có thể áp dụng cơ chế “đặt hàng đào tạo” tại một số cơ sở ngoài công lập, giúp giảm gánh nặng tài chính cho người học.

- Đầu tư cơ sở vật chất và hỗ trợ đất đai, ưu tiên quy hoạch đất dành cho trường ngoài công lập tại các đô thị lớn và khu vực đông dân cư, tránh tình trạng “thiếu đất, thiếu trường”, miễn hoặc giảm tiền thuê đất, thuế sử dụng đất đối với cơ sở hoạt động phi lợi nhuận, khuyến khích mô hình liên kết công - tư trong đầu tư xây dựng trường học, phòng thí nghiệm, trung tâm thể thao - văn hóa phục vụ học sinh.

- Chính sách nhân lực và phát triển đội ngũ, đảm bảo quyền lợi của giáo viên ngoài công lập, hỗ trợ về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, chế độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, tạo sự yên tâm gắn bó lâu dài, xây dựng cơ chế luân chuyển, trao đổi giảng viên công - tư để lan tỏa kinh nghiệm, nâng cao chất lượng đào tạo, khuyến khích đội ngũ trí thức Việt kiều, chuyên gia quốc tế tham gia giảng dạy và quản lý tại các trường ngoài công lập.

- Quản lý chất lượng và bảo đảm uy tín xã hội, tăng cường kiểm định chất lượng độc lập, mọi cơ sở ngoài công lập phải được đánh giá định kỳ và công bố công khai kết quả, khuyến khích tự chủ và trách nhiệm giải trình. Các trường ngoài công lập cần minh bạch về học phí, tài chính, chất lượng đầu ra để tạo dựng niềm tin với xã hội, truyền thông tích cực, nhà nước và truyền thông xã hội cần tôn vinh, nhân rộng mô hình điển hình tiên tiến, khắc phục định kiến “trường ngoài công lập chỉ vì lợi nhuận”.

- Gắn với nhu cầu xã hội và xu thế quốc tế, phát triển đa dạng loại hình từ mầm non, phổ thông, đại

học, giáo dục nghề nghiệp đến đào tạo ngắn hạn, đào tạo kỹ năng số, học tập suốt đời, khuyến khích hợp tác quốc tế. Liên kết đào tạo với các trường uy tín nước ngoài, tham gia mạng lưới nghiên cứu, trao đổi học sinh - sinh viên, đáp ứng nhu cầu phân tầng và cá thể hóa. Giáo dục ngoài công lập cần hướng tới những đối tượng có nhu cầu đặc thù như trẻ khuyết tật, học sinh năng khiếu, người trưởng thành học tập suốt đời.

Tóm lại, để giáo dục ngoài công lập phát triển đúng tầm, cần có một hệ thống khuyến nghị đặc thù, vừa tạo điều kiện thuận lợi về pháp lý - tài chính, vừa bảo đảm công bằng, minh bạch, nâng cao chất lượng và uy tín xã hội. Chỉ khi đó, giáo dục ngoài công lập mới có thể phát huy vai trò bổ sung, chia sẻ gánh nặng với giáo dục công lập, đồng thời góp phần xây dựng một hệ thống giáo dục quốc dân hiện đại, đa dạng, hội nhập và bền vững.

*Bảng 5. Một số định hướng chính sách chủ yếu tăng cường hài hòa công - tư trong giáo dục*

Trụ cột chính sách	Nội dung cụ thể	Kỳ vọng tác động
Khung pháp lý	Ban hành luật/hành lang pháp lý PPP	Tạo nền tảng phát triển minh bạch
Tài chính- đầu tư	Tăng chi công, ưu đãi tư, hỗ trợ học phí	Giảm áp lực công lập, tăng cơ hội tiếp cận
Công bằng xã hội	Voucher, trợ giá, học bổng	Hạn chế bất bình đẳng
Quản trị - chất lượng	Kiểm định, minh bạch, chia sẻ kinh nghiệm	Nâng cao chất lượng toàn hệ thống
Xã hội hóa có định hướng	Khuyến khích tổ chức phi lợi nhuận, DN đầu tư	Đảm bảo phát triển bền vững
Liên kết công - tư	Hợp tác nghiên cứu, chia sẻ nguồn lực	Gia tăng hiệu quả, đổi mới
Truyền thông - nhận thức	Vận động xã hội, xóa bỏ định kiến	Xây dựng niềm tin, sự đồng thuận

**3. Kết luận và kiến nghị**

- Giáo dục công lập và ngoài công lập là hai thành tố cấu thành hữu cơ của hệ thống giáo dục quốc dân. Trong đó, giáo dục công lập đóng vai trò trụ cột, bảo đảm tính công bằng, phổ cập và thực hiện sứ mệnh chiến lược quốc gia; còn giáo dục ngoài công lập giữ vị trí thành phần quan trọng, bổ sung nguồn lực xã hội, tạo ra sự đa dạng, cạnh tranh tích cực và đáp ứng nhu cầu phong phú của người học.

Nghị quyết 71 của Bộ Chính trị đã khẳng định yêu cầu đột phá trong đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, theo đó việc hài hòa phát triển công lập - ngoài công lập là xu hướng tất yếu, phù hợp với thông lệ quốc tế và các cam kết phát triển bền vững (SDG4).

- Về mặt lý luận, nghiên cứu cho thấy mối quan hệ công lập - ngoài công lập có thể tiếp cận theo nhiều khung lý thuyết: hệ thống - công bằng/hiệu quả - thị trường/dịch vụ công - PPP - SDG4. Đây là cơ sở để xây dựng các luận cứ khoa học trong hoạch định chính sách giáo dục.

- Về mặt thực tiễn, so sánh quốc tế và số liệu ở

Việt Nam cho thấy xu hướng tất yếu ngoài công lập phát triển mạnh ở mầm non, đại học, giáo dục nghề nghiệp; trong khi công lập vẫn giữ vai trò quyết định ở phổ cập tiểu học, THCS. Điều này phản ánh cấu trúc bổ sung - hỗ trợ, chứ không thay thế nhau.

Về ý nghĩa xã hội, phát triển hài hòa hai khu vực sẽ góp phần giảm tải cho công lập, bảo đảm công bằng, đồng thời nâng cao chất lượng và sự lựa chọn cho người học.

- Đối với Nhà nước, cần ban hành khung pháp lý đồng bộ về phát triển hài hòa công - tư trong giáo dục, tăng cường ngân sách cho giáo dục công lập ở vùng khó khăn, đồng thời có chính sách ưu đãi, hỗ trợ tài chính cho ngoài công lập phát triển chất lượng cao và thúc đẩy mô hình hợp tác công - tư (PPP), đặc biệt trong giáo dục nghề nghiệp và đại học.

Đối với các cơ sở giáo dục, các trường công lập cần chủ động học hỏi, áp dụng mô hình quản trị hiện đại từ ngoài công lập, các cơ sở ngoài công lập cần chú trọng trách nhiệm xã hội, không chạy theo lợi nhuận đơn thuần, hướng đến mô hình phi lợi nhuận, tăng cường hợp tác công - tư trong đào tạo, nghiên cứu, chia sẻ cơ sở vật chất.

Đối với xã hội và cộng đồng, nâng cao nhận thức về vai trò bình đẳng, bổ sung của hai khu vực, xóa

bỏ định kiến “trường công là chuẩn, trường tư là yếu” hoặc ngược lại, khuyến khích doanh nghiệp, tổ chức xã hội tham gia đầu tư giáo dục theo hướng phi lợi nhuận, tăng cường giám sát xã hội để đảm bảo tính minh bạch, công bằng trong hoạt động giáo dục cả công lập và ngoài công lập ■

#### Tài liệu tham khảo

- [1]. Bộ Chính trị (2025). *Nghị quyết số 71-NQ/TW về đột phá giáo dục và đào tạo trong thời kỳ mới*. Hà Nội.
- [2]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2023). *Niên giám thống kê giáo dục*. Hà Nội: Nxb. Giáo dục Việt Nam.
- [3]. OECD (2022). *Education at a Glance 2022: OECD Indicators*. Paris: OECD Publishing.
- [4]. UNESCO(2021). *Global Education Monitoring Report*. Paris: UNESCO Publishing.
- [5]. Nguyễn Văn Tuấn (2020). *Phát triển giáo dục ngoài công lập ở Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế*. Tạp chí Giáo dục, 498 (2), 10 -15.
- [6]. Trần Minh Hùng (2022). *Mối quan hệ công - tư trong phát triển giáo dục đại học*. Tạp chí Khoa học Giáo dục, 18 (4), 55 - 63.
- [7]. World Bank (2020). *Vietnam Education Financing Report*. Washington, DC: World Bank.

---

### Public education as the pillar, non-public education as an important component of the national education system - A perspective from the spirit of the Politburo Resolution no. 71

Assoc. Prof. Dr. To Ba Truong  
 Institute for Educational Cooperation and Development  
 Email: tobatruong@gmail.com

**Abstract:** *The Resolution 71 of the Politburo defined education and training as one of the strategic breakthroughs for national development in the new era, while emphasizing the role of the national education system in forming high-quality human resources. In this context, public education is defined as the cornerstone, playing a leading role in ensuring citizens' right to education, achieving social equity, universalizing education, and raising the intellectual level of the population. In addition, private education, with its diverse forms, is affirmed as an important component of the system, contributing to sharing the burden with the State, creating an environment for competition, innovation, and international integration.*

**Keywords:** *Public education, non-public education, national education system, Resolution No. 71, education innovation.*